

## GIÁO DỤC NHÂN QUYỀN LÀ GIÁO DỤC TÍNH CHỦ THỂ ĐỐI VỚI QUYỀN

Vũ Minh Chi\*

Nguyễn Thị Anh Đào\*\*

*Người ta thường nói thế kỷ XX là thế kỷ của chiến tranh, thế kỷ XXI là thế kỷ của nhân quyền, nếu đúng là như vậy thì thập kỷ 90 của thế kỷ trước đóng một vai trò quan trọng, vai trò bàn lề đối với sự nghiệp giáo dục nhân quyền, bởi từ giai đoạn này giáo dục nhân quyền được tổ chức Liên hiệp quốc triển khai và đẩy mạnh, các nước trên thế giới hưởng ứng thực hiện. Ở Việt Nam, với sự hợp tác của các tổ chức quốc tế, giáo dục nhân quyền tuy còn khá mới mẻ cũng đã bắt đầu được khởi động thông qua các dự án nâng cao hiểu biết pháp luật cho người dân, đặc biệt là những người dân nông thôn, miền núi. Bài viết trình bày một số suy nghĩ xung quanh vấn đề giáo dục nhân quyền - một công việc có ý nghĩa đối với sự phát triển con người (theo quan niệm phát triển là quyền tự do).*

1. Bản đồ thế giới về giáo dục nhân quyền đã bắt đầu thay đổi từ những năm 1990. Khái niệm nhân quyền trong suốt một giai đoạn lịch sử đã được thể hiện bằng ngôn ngữ cụ thể và được định thức hóa trong luật pháp. Ngày nay, nhân quyền đã được chế định hóa trong hiến pháp và các công ước quốc tế. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở việc *xác định tiêu chuẩn của nhân quyền từ luật pháp* thì hoàn toàn chưa đủ. Nếu như luật lệ không đi vào cuộc sống, tức là tất cả mọi người không có thái độ và kỹ năng để xây dựng một xã hội mà trong đó mọi người dân đều hiểu và sử dụng thành thạo những tiêu chuẩn luật pháp thì mọi luật lệ cũng chỉ tồn tại như những bức tranh vẽ mà thôi. Vì vậy, không thể thiếu được hoạt động giáo dục nhằm truyền đạt đến mọi người tiêu chuẩn và ý nghĩa của nhân

quyền hay nói khác đi là hình thành văn hóa nhân quyền tích cực làm cơ sở cho việc thực hiện nhân quyền. Giáo dục nhân quyền là một hình thức quan trọng nhằm *thực hiện một cách chủ thể các tiêu chuẩn nhân quyền*.

Từ sau Chiến tranh Thế giới thứ II đến nay, Liên hiệp quốc đã thông qua rất nhiều hiệp ước quốc tế về nhân quyền mà đầu tiên là những công ước nhân quyền quốc tế nhưng những cố gắng cho hoạt động nhằm mở rộng đến tận gốc rễ các tiêu chuẩn về nhân quyền này thông qua hoạt động giáo dục đã không thể thực hiện được đầy đủ cho đến những năm 1990. Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, hai khối đông tây đối lập nhau đã có những lập trường khác nhau về nhân quyền, vì thế nhân quyền cũng trở thành biểu tượng của sự đối lập về tư tưởng. Thêm vào đó, sự tồn tại của những nước đang phát triển, hạn chế nhân quyền vì mục tiêu phát triển

\* TS.; Viện Nghiên cứu Con người

\*\* TS.; Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

kinh tế, cũng là một tồn tại đáng kể đối với việc phổ biến hóa nhân quyền.

Tình hình trên đây bắt đầu thay đổi từ sau khi chiến tranh lạnh kết thúc. Khi sự đối lập đông tây được đánh dấu chấm hết thì tầm quan trọng của nhân quyền đối với mọi người trên thế giới, nói khác đi là nhân quyền có giá trị phổ biến, bắt đầu được tái công nhận tại Hội nghị thế giới về nhân quyền năm 1993. Nếu như trong thời kỳ chiến tranh lạnh, con người thường hay quan tâm đến những mối lo đến từ nước ngoài – ví dụ sự uy hiếp của những nước có nền tư tưởng khác biệt với mình – thì bước vào thời kỳ hậu chiến tranh lạnh mối quan tâm của con người cũng thay đổi, hướng vào các vấn đề trong nước và những vấn đề gần gũi với cuộc sống bản thân. Nhân quyền đã trở thành công cụ kiểm soát (giấy thừa quỹ tím) cuộc sống bản thân, cung cấp cơ sở cho việc đòi hỏi nhà nước thực hiện các quyền con người.

Do những thay đổi này mà xã hội quốc tế cũng bắt đầu có khả năng nỗ lực vì sự phổ biến nhân quyền tức là thực hiện giáo dục nhân quyền. Đáp ứng *Kế hoạch 10 năm Liên hiệp quốc vì giáo dục nhân quyền (1995-2004)*, và *Chương trình thế giới vì giáo dục nhân quyền (2005-2007)*, các nước trên thế giới đã và đang đầu tư cho giáo dục nhân quyền. Thêm vào đó sự ra đời và tồn tại của các cơ quan nhân quyền hoạt động trong nước cũng góp phần không nhỏ cho giáo dục nhân quyền. Tại các cơ quan này, cùng với việc cứu trợ những người bị vi phạm nhân quyền, người ta còn tiến hành giáo dục nhân quyền như một trong hai hoạt động chính của tổ chức. Hiện nay, nếu kể cả những nước lập ra các cơ quan này, có thể nói các nước đang nỗ lực vì giáo dục

nhân quyền đang tăng lên khá nhiều.

*Các nước có cơ quan nhân quyền trong nước ở khu vực châu Á Thái Bình Dương*

Afghanistan, Australia, Đôngtimo, Fiji, Ấn Độ, Indonesia, Jordan, Hàn Quốc, Malaysia, Mông Cổ, Nepal, New Zealand, Palestin, Philipin, Qatar, Xrilanca, Thái, Mandive, Iran.

2. Một trong những đặc điểm của thời kỳ giáo dục nhân quyền sau chiến tranh lạnh là việc chế độ hóa giáo dục nhân quyền. Chế độ hóa ở đây có ý nghĩa là giáo dục nhân quyền đã được xếp vào vị trí của các chế độ công. Tính phổ biến của nhân quyền ngay trong xã hội quốc tế cũng được tái xác nhận và kết quả là được các nước tiếp nhận. Ví dụ ở Philipin, trong Hiến pháp ban hành vào năm 1987 đã có điều khoản về việc nhà nước có nghĩa vụ giáo dục nhân quyền. Ở Nhật Bản vào năm 2000, Luật liên quan đến giáo dục và tuyên truyền cho nhân quyền cũng được ban hành, giáo dục nhân quyền đã được coi là “trách nhiệm” của nhà nước, cộng đồng địa phương và mỗi công dân.

Giáo dục nhân quyền được thực hiện ở nhiều nước trên cơ sở pháp luật. Việc này có một ý nghĩa to lớn đối với người dân của các nước đã từng sống dưới một chính quyền độc tài. Bởi vì từ chỗ nhà nước thường vi phạm nhân quyền, hẳn nói đến từ nhân quyền thôi cũng đã có thể bị coi là chống đối, có thể nguy hiểm đến tính mạng, thì nay chính nhà nước lại tích cực tham gia vào việc phổ cập và bảo vệ nhân quyền.

Trong quá trình chế độ hóa giáo dục nhân quyền, những hoạt động tiến hành với đối tượng là người dân thường bao gồm hoạt động phổ biến tuyên truyền do

chính quyền địa phương tiến hành và giáo dục nhân quyền trong chương trình giáo dục cộng đồng, giáo dục xã hội (giáo dục người lớn, giáo dục thường xuyên, sinh hoạt văn hóa). Tuy nhiên, tiêu biểu nhất vẫn là giáo dục nhân quyền trong nhà trường. Hiện nay, đa số các nước trên thế giới đều đã phổ cập giáo dục cấp tiểu học, nhiều nước phổ cập đến trung học cơ sở. Giáo dục nhân quyền trong nhà trường phổ thông sẽ có đối tượng ít nhất là mọi trẻ em đang đi học ở bậc nghĩa vụ, sẽ được tiến hành với đối tượng đồng nhất, hơn nữa lại là lực lượng gánh vác tương lai. Chính vì lẽ đó, có thể nói giáo dục nhân quyền trong nhà trường có một sức ảnh hưởng vô cùng to lớn và quan trọng. Giai đoạn đầu của Chương trình giáo dục nhân quyền thế giới (2005-2007) trước hết hướng vào giáo dục nhà trường cũng là vì lý do này.

Mặt khác, bên cạnh giáo dục nhân quyền trong nhà trường, thể chế hóa giáo dục nhân quyền còn được triển khai thông qua việc tổ chức các lớp tập huấn cho những người có quyền hạn, công quyền, ví dụ, các nhân viên của cơ quan chính phủ, chính quyền - đoàn thể địa phương, nhằm đòi hỏi ở họ một thái độ tích cực hơn nữa trong việc thực hiện nhân quyền, bảo vệ người dân. Cho dù ý thức về nhân quyền của người dân có cao đến đâu nhờ giáo dục nhân quyền nhưng phía có trách nhiệm (giải trình) với người dân không đáp ứng được thì nhân quyền vẫn chỉ là chiếc bánh vẽ mà thôi.

Giáo dục nhân quyền thông qua quá trình thể chế hóa đã được đánh giá về sức lan tỏa và ảnh hưởng sâu rộng tuy nhiên vẫn còn có những vấn đề cần xem xét, ví dụ trong giáo dục nhà trường, có nhiều

nước rõ ràng đã và đang có sự khác biệt trong quan điểm nhân quyền của nhà nước (ví dụ Bộ Giáo dục) và xã hội công dân (ví dụ tổ chức phi chính phủ NGO). Đối với NGO - là các tổ chức đang nỗ lực nhằm giải quyết các vấn đề vi phạm nhân quyền cụ thể mà người dân phải đối mặt - giáo dục nhân quyền có mục đích làm cho người dân hiểu biết về quyền của mình, nâng cao ý thức chủ thể đối với các quyền và việc trao quyền để có thể hành động nhằm giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, đối với phía chính phủ và bộ máy hành chính, những nỗ lực này chỉ nhằm nhấn mạnh mặt *quyền lợi*, do đó sẽ kích thích ý thức và đòi hỏi sự phê phán của người dân đối với chính phủ và bộ máy hành chính, vì thế để tránh điều này giáo dục nhân quyền công thường được thay thế bằng giáo dục giá trị, giáo dục đạo đức và học tập một cách hình thức về hiến pháp.

Hơn nữa, trong trường hợp giáo dục nhà trường có đối tượng với tuổi tác khác biệt nhau khá rộng thì giáo dục nhân quyền cho các em nhỏ thường có trọng điểm ở giáo dục giá trị và xây dựng quan hệ. Tuy nhiên, không thể chỉ dừng ở đó. Ứng với từng giai đoạn phát triển và trưởng thành, trẻ em cần được học một cách mở rộng dần từ những quan hệ gần gũi xung quanh mình đến quan hệ người trong xã hội rộng lớn hơn, và theo từng năm học cần phải nhận thức được một cách tuần tự từ chỗ hiểu bản thân (và người khác) có những quyền gì, đến việc tìm hiểu rõ để thực hiện những quyền đó thì cần phải có những yêu cầu gì, trong xã hội có những luật lệ và chế độ nào nhằm thực hiện nhân quyền này. Bởi vì nói đến giáo dục nhân quyền mà không dạy về quyền, hoặc dạy về quyền mà

không dạy về cách thực hiện quyền thì chẳng khác gì được nhận một chiếc bánh bao chỉ có vỏ mà không có nhân.

3. Giáo dục nhân quyền cần được tiến hành một cách toàn diện trên cơ sở lưu ý đến tính bất khả phân của nhân quyền. Cần phải để ý xem giáo dục nhân quyền có bị lệch về sự chọn lựa một số quyền nhất định trong khi tránh không đề cập đến những quyền khác hay không. Ở đây, chúng ta hãy thử xem xét trường hợp quyền trẻ em.

Theo công ước quốc tế về quyền trẻ em, các quyền trẻ em thuộc về bốn lĩnh vực: quyền sống, quyền lớn lên (được nuôi dưỡng), quyền được bảo vệ và quyền tham gia. Tuy nhiên, vấn đề là khi dạy về quyền trẻ em, việc dạy về quyền sống, quyền được nuôi lớn và quyền được bảo vệ thì hầu như không có ý kiến khác nhưng riêng đối với quyền tham gia thì không ít nhà nước hoặc cụ thể là nhà trường không có động thái tích cực.

Nhiều người có ý kiến rằng nếu làm đúng theo tinh thần của công ước, công nhận quyền biểu đạt ý kiến và tôn trọng ý kiến của trẻ, thì những ý kiến ngang bướng sẽ tăng lên và lớp học sẽ không giữ được trật tự nữa. Điều này e rằng sẽ trở lại quan hệ quyền lực đã có, ví dụ quan hệ giữa giáo viên và học sinh, giữa nhà trường và học sinh. Người ta dễ nhất trí với việc cần phải bảo vệ người yếu thế nhưng lại khó chấp nhận việc người được bảo vệ (người yếu thế) tự do có ý kiến. Với ý nghĩa đó, trong giáo dục nhân quyền đã được thể chế hóa, cái dễ bị bỏ qua hoặc xem nhẹ nhất có thể là quyền tham gia. Vì vậy, khi giáo dục nhân quyền được thực thi, cần để ý đến việc liệu có một số quyền nhất định được lựa

chọn trong khi một số quyền nhất định khác lại không được lựa chọn hay không.

Như vậy giáo dục nhân quyền đã được thể chế hóa thường xuyên phải được xem xét về phương pháp và nội dung. Hơn nữa, người ta còn cho rằng, giáo dục nhân quyền do nhà nước và đoàn thể tiến hành cần được thường xuyên giám sát bởi các cơ quan nhân quyền trong nước. Cơ quan nhân quyền trong nước thường có vai trò giám sát chính phủ trong việc có thực hiện đúng các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế hay không. Vì thế, giáo dục nhân quyền trong nền giáo dục công, nội dung bồi dưỡng giáo viên trong cơ quan công cũng cần được giám sát nội dung này. Tuy nhiên, ở nhiều nước trong đó có Việt Nam lại chưa có tổ chức này (cơ quan nhân quyền trong nước). Trong trường hợp này, vai trò giám sát nội dung của giáo dục nhân quyền đã được thể chế hóa chính là vai trò của *xã hội công dân* (xã hội dân sự).

4. Giáo dục nhân quyền có liên quan đến pháp luật, và cần phải có cơ sở pháp luật, hơn nữa việc tiến hành nó trước hết thuộc trách nhiệm của chính phủ và chính quyền địa phương. Tuy nhiên, bản thân giáo dục nhân quyền lại là công việc chung của tất cả mọi người chứ không chỉ của riêng nhà nước và đoàn thể. Vậy mà theo kết quả điều tra ý thức nhân quyền của sinh viên (400 sinh viên các trường Đại học Luật, Công đoàn, Khoa học Xã hội và Nhân văn, Kinh tế, Bách khoa, năm 2008), nhiều sinh viên cho rằng giáo dục nhân quyền thuộc trách nhiệm của chính phủ (trách nhiệm thứ nhất 42,1%), khi được hỏi trách nhiệm thứ hai trong giáo dục nhân quyền thuộc về ai thì có tới 87% không trả lời được.

Luật pháp liên quan đến nhân quyền là những luật quan trọng được hình thành theo chế độ lập pháp quốc hội với sự ủy thác của toàn dân hay nói khác đi là yêu cầu của xã hội công dân. Giáo dục nhân quyền đã thể chế hóa được thực hiện như thế nào cần được sự giám sát của người dân hay nói khác đi là người dân có quyền lợi và nghĩa vụ tham gia vào giáo dục nhân quyền về nội dung và phương pháp, và có trách nhiệm thường xuyên trợ ngôn khi cần thiết.

Đi đầu trong giáo dục nhân quyền ở một số nước là giáo dục hòa đồng nhằm bảo vệ các đối tượng yếu thế trong xã hội. Giáo dục hòa đồng là một loại hoạt động giáo dục được tiến hành nhằm quán triệt tinh thần tôn trọng nhân quyền, nhưng đặc biệt khi nhìn vào nhà trường thì những vấn đề sau đóng vai trò quan trọng.

1) Hoàn thiện môi trường giáo dục, cụ thể cho trẻ em ở vị trí bị phân biệt đối xử thông qua những việc như bảo đảm về học lực – hướng nghiệp, giải quyết vấn đề nghỉ học lâu dài và bỏ học (mặt chế độ và mặt quyền xã hội).

2) Nâng cao ý thức về quyền của trẻ em, tạo điều kiện để các em tự sáng tạo ra nội dung giáo dục có thể trở thành chủ thể phản đối sự phân biệt (mặt quyền tự do của giáo dục, mặt nội dung giáo dục).

3) Đưa giáo dục nhân quyền vào nội dung giáo dục cho mọi trẻ em.

Chính vì những điều trên, giáo dục nhân quyền cần được xem xét từ những quan điểm sau:

1) Không phải chỉ đánh giá thể chế hóa giáo dục nhân quyền (đã tiến hành hay chưa) mà còn phải xem xét vấn đề nội dung của giáo dục nhân quyền (tiến hành như thế nào).

2) Nội dung của giáo dục nhân quyền là học về *nhân quyền của bản thân người học*, hiểu mình là *chủ thể của quyền*, từ đó có năng lực thực hiện nhân quyền (không phải chỉ dừng ở việc học một cách chung chung trừu tượng về nhân quyền).

3) Giáo dục nhân quyền là giáo dục đối với tất cả mọi người học đồng thời được tiến hành như là giáo dục nhằm nâng cao năng lực khiến cho những người yếu thế trong xã hội bị vi phạm quyền và phân biệt đối xử có thể khôi phục lại công bằng, chính nghĩa (nâng cao năng lực).

Nếu như nhân quyền vốn dĩ là nhằm bảo vệ quyền lợi cho người dân trong quan hệ đối với nhà nước thì về nội dung của giáo dục nhân quyền nếu chỉ phó mặc cho nhà nước không thôi chưa đủ. Cần phải xem xét nội dung, đưa ra đề án cần thiết liên quan đến những việc thiết yếu từ phía người dân.

Khi kiểm tra nội dung giáo dục nhân quyền, đặc biệt quan trọng là quan điểm (2) nội dung dạy về quyền của người học và (3) nâng cao năng lực thực hiện những quyền đó. Giáo dục nhân quyền đã thể chế hóa như đã nói có hạn chế ở việc ít tiến hành cho *người học học ngay quyền của mình giúp họ hiểu bản thân là chủ thể của quyền* và học tập nhằm nâng cao năng lực có thể khôi phục lại được công bằng, chính nghĩa.

5. Thực tế, trong chúng ta ít người thấm thía sâu sắc về kiến thức và tự giác về điều: nhân quyền là quyền cụ thể, *bản thân mình cũng là một chủ thể mang quyền*. Khi được yêu cầu định nghĩa về nhân quyền thì mặc dù hầu hết mọi người đều nghĩ ngay tới câu nói trong Tuyên

ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh là “quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” nhưng khi được hỏi bản thân có quyền gì thì không trả lời được ngay. Trong cuộc điều tra ý thức nhân quyền của sinh viên (2008) đa số sinh viên nêu được 3, 4 quyền, đến quyền thứ năm thì có tới gần 50% không nêu được. Có lẽ đó là vì đã không có cơ hội học về quyền của mình từ giáo dục nhân quyền.

Trong trường hợp của Nhật Bản, nhân quyền thường chỉ được hiểu như là sự tốt bụng, lòng quảng đại và thân thiện với người khác. Có tác giả đã dẫn ra rằng: khi người dân ra phố họ thường bắt gặp những khẩu hiệu tuyên truyền cho nhân quyền theo kiểu kêu gọi sự quan tâm đến người khác, tức là sự tử tế, tốt bụng mà thôi<sup>1</sup>. Ở đây, nhân quyền đã được đánh đồng với cảm giác của lòng nhân hậu. Vấn đề đặt ra là, vậy giáo dục nhân quyền chỉ lệch về việc nghĩ cho người khác và lòng nhân hậu thì có tồn tại gì? Cần phải hiểu rằng việc nhận thức, có hiểu biết về quyền pháp luật có liên quan với việc trao quyền. Điều quan trọng là phải được học về các quyền cụ

thể như là quyền pháp luật tức là những điều được ghi trong pháp luật và công ước chứ không chỉ là những khái niệm nhân quyền trừu tượng. Nhân quyền được ghi trong luật là những nguyên tắc chung của xã hội như những quyền quan trọng trên cơ sở chính nghĩa. Nhân quyền có hình thức pháp luật cho nên việc đòi hỏi về nhân quyền hoặc yêu cầu khôi phục khi bị vi phạm đều có căn cứ chính đáng.

Do đó, khi một người lên tiếng kêu bị vi phạm nhân quyền thì hành vi đó không phải là ích kỷ hay đòi hỏi quá đáng. Người bị vi phạm nhân quyền không phải là người bị nhận lòng thương hại. Điều quan trọng họ là chủ thể của quyền và được trao quyền để có thể thực hiện được những quyền đó. Việc học nhân quyền như quyền về luật là nhằm để hiểu rằng đòi hỏi về quyền, tham gia vào quá trình thực hiện quyền là quyền lợi của chính mình. Điều đó không có nghĩa là sự cảm thông thương hại cho đương sự bị vi phạm mà phải đánh giá họ như là *chủ thể đòi hỏi quyền chính đáng*, dẫn tới thái độ cùng với họ đòi khôi phục quyền bị vi phạm.

1. Thực tế, đó là do tuyên truyền của Bộ Tư pháp Nhật Bản chỉ nhấn mạnh vào khía cạnh trách nhiệm cá nhân và quan hệ cá nhân, tránh đề cập quan hệ giữa nhà nước và cá nhân, vấn đề chủ yếu của nhân quyền, tức là thường nhấn mạnh vào những nội dung như: Xây dựng ý thức cho từng người: quý trọng tấm lòng tử tế và sinh mạng không gì thay thế (2006); Xây dựng ý thức cho từng người: suy nghĩ đến nhân quyền từ những vấn đề cụ thể xung quanh mình không (2003); “Xã hội tương lai sẽ được kiến tạo chính từ tấm lòng nhân hậu của bạn” (2001); “Hãy nghĩ đến nhân quyền của bạn, nhân quyền của tôi: kết nối trái tim với thế kỷ XXI” (2000); “Hãy nghĩ tới nhân quyền của bạn, nhân quyền của tôi: mở rộng kết nối trái tim với trái tim”.